

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 01 - 2022
V/v Ly hôn, trA chấp về nuôi con

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim OA

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hòa Hiệp

Bà Ngô Thị Hồng Gấm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn, trA chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: khóm D, phường L, thành phố N, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: A Dương Công M, sinh năm 1985 (vắng mặt).

HKTT: Thôn K, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Số x, đường Y, quận Q, thành phố C, Đài Loan.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Dương Công M: Ông Trần Thanh P - Luật sư Văn phòng Luật sư Trần Thanh P thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. Địa chỉ: Số nhà 17/12A dãy B, đường Trần Hoàng N, phường H, quận K, thành phố Cần Thơ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Kim A trình bày:

Về hôn nhân: Chị Kim A và anh M tìm hiểu, yêu thương nhau và chung sống từ năm 2018. Trong năm 2018 anh M sang Đài Loan lao động, mỗi năm về Việt Nam 02 lần thăm chị Kim A và con. Năm 2020 vợ chồng đăng ký kết hôn, được

Ủy ban nhân dân phường L, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2020 ngày 16/3/2020. Sau đó, dịch bệnh Covid-19 bùng P nên anh M không thể về Việt Nam thăm vợ, con. Do vợ chồng sống xa nhau trong thời gian dài, trao đổi thông tin cho nhau qua mạng xã hội, quan điểm sống và cách sống không còn phù hợp. Do đó, vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, ly thân và không còn liên lạc với nhau từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Kim A không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về nuôi con: Vợ chồng có một con chung tên Dương Tấn P, sinh ngày 25/3/2019, hiện đang sống chung với chị Kim A. Khi ly hôn chị Kim A yêu cầu được tiếp tục nuôi con, đồng ý anh M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Chị Kim A yêu cầu A M cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Chị Kim A xác định vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Chị Kim A xác định vợ chồng không có nợ chung.

Bản tự khai ngày 25 tháng 10 năm 2021 A Dương Công M trình bày:

Về hôn nhân: Anh M và chị Kim A kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn. Do cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể kéo dài quan hệ hôn nhân, anh M đồng ý ly hôn với chị Kim A.

Về nuôi con: Vợ chồng có một con chung tên Dương Tấn P, sinh ngày 25/3/2019, hiện đang sống chung với chị Kim A. anh M đồng ý giao con chung cho chị Kim A nuôi dưỡng, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về chia tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh M trình bày và đề nghị: Anh M đồng ý ly hôn với chị Kim A nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh M và chị Kim A. Về con chung tên Dương Tấn P đồng ý giao cho chị Kim A nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Kim A và anh M là công dân Việt Nam, có quốc tịch Việt Nam. Chị Kim A khởi kiện xin ly hôn với anh M, yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. A Anh M là bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện N, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam, tại thời điểm thụ lý vụ án anh M đang sinh sống và lao động tại thành phố C, Đà Loan. Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết vụ án theo quy định tại

khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38 và điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh M xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Kim A và anh M sống chung như vợ chồng từ năm 2018 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Đến ngày 16/3/2020 vợ chồng đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường L, thị xã N (nay là thành phố N), tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2020 theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống chung P sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng thỏa thuận thống nhất ly hôn là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Kim A.

[4] Về nuôi con: Vợ chồng có con chung trong thời gian sống chung như vợ chồng tên Dương Tấn P, sinh ngày 25/3/2019. Xét thấy, cháu P chưa đủ 03 tuổi, hiện đang sống chung với chị Kim A, chị Kim A yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, còn anh M đồng ý giao cháu P cho chị Kim A nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận giao cháu P cho chị Kim A nuôi dưỡng. Anh M thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh M không trực tiếp nuôi con chung, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Tại phiên tòa, chị Kim A đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của anh M là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của anh M và chị Kim A. Anh M không xác định về thời gian bắt đầu và thời gian chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng nhưng chị Kim A yêu cầu anh M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 117 và 118 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị Kim A.

[6] Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị Kim A và anh M thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không có nghĩa vụ phải thực hiện chung nên không đặt ra xem xét.

[7] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh M là có căn cứ, phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Kim A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 116, 117 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim A.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Kim A ly hôn với anh Dương Công M.

2. Về nuôi con: Giao con chung tên Dương Tấn P, sinh ngày 25/3/2019 cho chị Nguyễn Thị Kim A tiếp tục nuôi dưỡng (hiện cháu P đang sống chung với chị Kim A).

Chị Kim A cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Dương Công M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Kim A đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0004539 ngày 23/11/2021 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp. Chị Kim A đã nộp xong tiền án phí sơ thẩm.

Anh Dương Công M phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chị Kim A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TAT
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT (Hàng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Kim Oanh